

Số: 983/GPMT-UBND

Hải Dương, ngày 23 tháng 4 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH giấy Continuance Việt Nam ngày 03 tháng 01 năm 2024 và hồ sơ gửi kèm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 290/TTr-STNMT ngày 19 tháng 4 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH giấy Continuance Việt Nam, địa chỉ tại Km 43, quốc lộ 5, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở sản xuất giấy, dệp thể thao xuất khẩu tại xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Cơ sở sản xuất giấy, dệp thể thao xuất khẩu của Công ty TNHH giấy Continuance Việt Nam tại xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thị tứ Hưng Đạo, xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0800479896 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/11/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 11/6/2020; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2116431585 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương

cấp, chứng nhận lần đầu ngày 20/10/2015, chứng nhận thay đổi lần thứ năm ngày 28/9/2020.

1.4. Mã số thuế: 0800479896.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất giấy, dép thể thao xuất khẩu.

1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở

- Cơ sở thuộc nhóm B theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Đầu tư công và thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Diện tích đất sử dụng: 4.894 m<sup>2</sup>.

- Công suất: 1.000.000 đôi/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép này.

### **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH giấy Continuance Việt Nam**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH giấy Continuance Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hải Dương.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: Kể từ ngày ký đến hết ngày 20/10/2025.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Tứ Kỳ tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Công ty TNHH giấy Continuance Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND huyện Tứ Kỳ;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lưu Văn Bản**

## Phụ lục I

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 983/GPMT-UBND  
ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

### 1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa khuôn in.

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải chung theo đường ống nhựa PVC D100, dài 162 m, độ dốc 0,2% tự chảy vào mương thoát nước chung của khu vực thuộc xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

#### 2.2. Vị trí xả nước thải

- Mương thoát nước chung của khu vực thuộc xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Tọa độ xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ):  $X(m) = 2307300$ ;  $Y(m) = 591001$ .

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $50 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

#### 2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sau khi xử lý được xả theo phương thức tự chảy.
- Hình thức xả: Xả mặt, xả vào mương thoát nước chung của khu vực thuộc xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển cảnh báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (mức B, giá trị  $C_{\max}$  với hệ số  $K = 1,0$ ) và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (mức B, giá trị  $C_{\max}$  với hệ số  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 1,2$ ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Màu	-	150	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	pH	-	5,5 - 9		
3	BOD <sub>5</sub>	mg/l	50		
4	COD	mg/l	162		
5	TSS	mg/l	100		
6	TDS	mg/l	1.000		
7	Sunfua	mg/l	0.54		
8	Amoni	mg/l	10		
9	Nitrat	mg/l	50		
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
11	Tổng các chất HDBM	mg/l	10		
12	Phosphat	mg/l	10		
13	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000		
14	Asen	mg/l	0,108		
15	Thủy ngân	mg/l	0,0108		
16	Chì	mg/l	0,54		
17	Cadimi	mg/l	0,108		
18	Đồng	mg/l	2,16		
19	Kẽm	mg/l	3,24		
20	Sắt	mg/l	5,4		
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8		
22	Tổng Nitơ	mg/l	43,2		
23	Tổng Phốt pho	mg/l	6,48		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải từ các nhà vệ sinh khu văn phòng, nhà vệ sinh khu nhà ở chuyên gia được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn (gồm 02 bể, tổng thể tích 37,13 m<sup>3</sup>) sau đó theo đường ống PVC D200, dài 118 m, độ dốc 0,2% tự chảy về hệ thống xử lý nước thải chung.

- Nước thải từ nhà vệ sinh chung được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn (gồm 01 bể, thể tích 30,72 m<sup>3</sup>) sau đó theo đường ống PVC D200, dài 6 m, độ dốc 0,2% tự chảy về hệ thống xử lý nước thải chung.

- Nước thải từ hoạt động rửa khuôn in từ vị trí rửa tự chảy vào hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 1,5 m<sup>3</sup>/mẻ để xử lý. Nước thải sản xuất sau khi được xử lý sơ bộ tự chảy về hệ thống xử lý nước thải chung công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm bằng đường ống uPVC D60, dài 20 m, độ dốc 0,2%.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

### 1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ hoạt động rửa khuôn in → Thiết bị keo tụ kết hợp lắng → Nước thải sau xử lý được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải chung.

- Công suất thiết kế hệ thống: 1,5 m<sup>3</sup>/mẻ.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống: Thiết bị keo tụ kết hợp lắng 1 m<sup>3</sup> (1,0m × 1,0m × 1,0m); bể tách bùn 0,5 m<sup>3</sup> (1,0m × 0,5m × 1,0m).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH 20 g/1 m<sup>3</sup> nước thải, PAC 500 g/1 m<sup>3</sup> nước thải, Polymer 5 g/1 m<sup>3</sup> nước thải (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

### 1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải chung

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất sau khi được xử lý sơ bộ → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt mức B của QCVN 14:2008/BTNMT và mức B của QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thải ra mương thoát nước chung của khu vực.

- Công suất thiết kế hệ thống: 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống: Bể gom 0,5 m<sup>3</sup> (1,0m × 1,0m × 0,5m); bể điều hòa 31,25 m<sup>3</sup> (5,0m × 2,5m × 2,5m); bể thiếu khí 23,1 m<sup>3</sup> (3,5m × 2,2m × 3,0m); bể hiếu khí 28,35 m<sup>3</sup> (3,5m × 2,7m × 3,0m); bể lắng 15,87 m<sup>3</sup> (2,3m × 2,3m × 3,0m); bể khử trùng 4,38 m<sup>3</sup> (1,49m × 0,98m × 3,0m); bể tách bùn 2,06 m<sup>3</sup> (0,98m × 0,7m × 3,0m); bể chứa bùn 4,83 m<sup>3</sup> (2,3m × 0,7m × 3,0m).

- Hóa chất sử dụng: Javel 0,02 lít/1 m<sup>3</sup> nước thải, cơ chất vàng 48 g/1 m<sup>3</sup>, cơ chất trắng 120 g/1 m<sup>3</sup> nước thải (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

+ Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị theo hướng dẫn của nhà sản xuất; tần suất bảo dưỡng 06 tháng/lần.

+ Trang bị các thiết bị dự phòng (máy bơm, máy thổi khí,...) để thay thế sử dụng ngay khi có sự cố hỏng thiết bị.

+ Các hóa chất sử dụng tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất.

+ Cập nhật đầy đủ nhật ký vận hành các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố sớm nhất.

- Biện pháp khắc phục:

+ Thông báo cho phụ trách kỹ thuật tại Công ty hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/ khắc phục sự cố.

+ Xác định chất lượng nước thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.

+ Thay thế kịp thời các bộ phận bị hư hỏng.

+ Trong trường hợp xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý không đạt tiêu chuẩn phải ngưng hoạt động hệ thống để tiến hành kiểm tra, sửa chữa.

+ Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này phải dừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận và lưu chứa nước thải tại các bể của hệ thống để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý. Sau khi khắc phục sự cố nước thải được bơm lại bể gom để tiếp tục quy trình xử lý; trường hợp không thể khắc phục và không còn khả năng lưu chứa tại các bể trong hệ thống thì Công ty thuê đơn vị có chức năng hút nước thải mang đi xử lý trong thời gian khắc phục.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.4. Trong quá trình xả thải vào mương thoát nước chung của khu vực nếu có sự cố bất thường, Công ty phải báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

3.5. Công ty TNHH giấy Continuance Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.



## Phụ lục II

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 983/GPMT-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

### 1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ quá trình in.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ quá trình dán keo.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:** 01 dòng khí thải tương ứng 01 hệ thống xử lý khí thải.

#### 2.1. Vị trí xả khí thải

Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ):  $X(m) = 2307233$ ;  $Y(m) = 590921$ .

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:  $14.000 \text{ m}^3/\text{h}$ .

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả thải gián đoạn 8/24 giờ (theo giờ làm việc).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Metylcyclohexan	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	2.000	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Cyclohexanon	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	400		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

Hơi keo, hơi dung môi phát sinh từ quá trình in, dán keo được quạt hút hút vào các chụp hút sau đó theo các đường ống dẫn khí kích thước D200, D400 về thiết bị xử lý khí thải. Khí sạch theo ống thải kích thước D600, dài 5 m thoát ra môi trường.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải từ quá trình in, dán keo → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Thiết bị hấp phụ → Quạt hút → Ống thải ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế: 14.000 m<sup>3</sup>/h.

- Thông số kỹ thuật: Chụp hút (tôn mạ kẽm, kích thước 2,5m × 0,8m); ống dẫn khí từ khu vực in, dán keo (ống tôn mạ kẽm đường kính D200, D400, dài 12 m); quạt hút (01 cái, công suất 2,2 kW, lưu lượng 14.000 m<sup>3</sup>/h); thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính (01 cái, bằng tôn mạ kẽm, kích thước 0,8m × 0,8m × 1m); ống thải (01 cái, bằng tôn mạ kẽm, đường kính D600, dài 5 m).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (tần suất thay than hoạt tính 06 tháng/lần, khối lượng thay 100 kg/1 lần thay).

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

### 1.4. Biện pháp, công trình, phòng ngừa ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng tránh:

+ Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

+ Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

+ Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

+ Trang bị các thiết bị dự phòng (quạt hút,...) để thay thế cho các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải khi xảy ra sự cố.

- Biện pháp khắc phục:

+ Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/ khắc phục sự cố.

+ Xác định chất lượng khí thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.

+ Giảm công suất thiết bị sản xuất có hệ thống xử lý khí thải bị sự cố, khắc phục ngay các nguyên nhân gây ra sự cố.

+ Thay thế kịp thời các thiết bị hỏng.

+ Dừng hoạt động sản xuất tại khu vực có thiết bị hỏng cho đến khi thiết bị hoạt động bình thường.

+ Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Công ty phải báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và tạm ngừng sản xuất để khắc phục sự cố.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ 01/7/2024 - 01/10/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. *Vị trí lấy mẫu:* 01 điểm tại ống thải sau hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. *Chất ô nhiễm chính và giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm:*  
Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm cho công trình xử lý chất thải của cơ sở đến Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải về Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên, hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.5. Thay thế than hoạt tính của hệ thống xử lý khí thải đúng tần suất cam kết.

3.6. Công ty TNHH giấy Continuance Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

### Phụ lục III

## ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 983/GPMT-UBND  
ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

### A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực máy cắt.
- Nguồn số 02: Khu vực máy may.
- Nguồn số 03: Khu vực máy nén khí.

#### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Tọa độ nguồn số 01: X(m) = 2307268; Y(m) = 590982.
- Tọa độ nguồn số 02: X(m) = 2307292; Y(m) = 590984.
- Tọa độ nguồn số 03: X(m) = 2307288; Y(m) = 591000.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>o</sup>30', múi chiều 3<sup>o</sup>)

#### 3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

##### 3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

##### 3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt ở chân của thiết bị, lò xo giảm xóc cho các thiết bị, máy móc có độ ồn lớn.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ ăn mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn định kỳ.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân: Quần áo bảo hộ lao động, giày, mũ, găng tay, kính mắt, khẩu trang, bịt tai chống ồn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng với tần suất 06 tháng/lần.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

## Phụ lục IV

# YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 983/GPMT-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

## A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

### 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

#### 1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	150	17 02 03	NH
2	Keo cặn ở vỏ thùng, chổi quét keo, keo chết, keo lỏng phế thải	Rắn	100	08 03 01	KS
3	Mực in, hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	40	08 02 01 08 02 04	KS
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	80	18 01 01	KS
5	Bao bì kim loại, nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	Rắn	120	18 01 02 18 01 03	KS
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	100	18 02 01	KS
7	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)	Rắn	30	16 01 13	NH
8	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	10	16 01 06	NH
9	Pin, ắc quy thải	Rắn	30	16 01 12 19 06 05	NH

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
10	Chất thải y tế lây nhiễm	Rắn	50	13 01 01	NH
11	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất, hệ thống xử lý nước thải chung	Bùn	10.000	12 06 05	KS
	<b>Tổng</b>		<b>10.710</b>		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Mực in, hộp chứa mực in văn phòng thải	Rắn	30	08 02 06 08 02 08
2	Da thừa, hỏng	Rắn	1.000	10 01 08
3	Mút xốp, EVA thải	Rắn	950	-
4	Chỉ vụn	Rắn	20	10 02 10
5	Bùn thải từ bể phốt	Bùn	8.000	12 06 13
6	Vải thừa, hỏng	Rắn	930	12 09 09
7	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	400	18 01 05
8	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	Rắn	200	18 01 06
9	Bao bì kim loại (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH và không có lớp lót nguy hại như amiang) thải	Rắn	200	18 01 08
10	Vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải không dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	150	18 02 02
	<b>Tổng</b>		<b>11.880</b>	

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 16,22 tấn/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa:* Bố trí các thùng chứa chất liệu nhựa HDPE dung tích 100 - 220 lít.

### 2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho chứa: 12 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Tường xây gạch, mái lợp tôn, nền bê tông cốt thép có chống thấm, có cửa ra vào kiểm soát. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy; vật liệu thấm hút; có biển cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

Chất thải nguy hại phải được phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. *Thiết bị lưu chứa*: Bố trí các thùng chứa chất liệu nhựa HDPE dung tích 50 - 100 lít.

#### 2.2.2. *Kho lưu chứa*:

- Diện tích kho chứa: 20 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Tường xây gạch lửng, trên thưng tôn, mái lợp tôn, nền BTCT có lớp chống thấm.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chất liệu nhựa HDPE, có nắp đậy, dung tích 20-220 lít/thùng.

- Thực hiện thu gom trong ngày.

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường



hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## Phụ lục V

### CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 983/GPMT-UBND  
ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

#### A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Thực hiện cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước đảm bảo nước thải sau xử lý đạt giá trị cho phép theo mức A của QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và mức A của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.